

Bản án số: 148/2017/DS-PT

Ngày: 07/9/2017

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán: 1- Ông Võ Kế Nghiệp

2- Ông Lê Lâm Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 8 và ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2017/TLPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2017 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2017/DS-ST ngày 09/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 135/2017/QĐ-PT ngày 26/7/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị L, sinh năm 1966

Địa chỉ: khu phố N, thị trấn G, huyện GR, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Trần Thụy Q, văn phòng Luật sư Thụy Q thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1962

Địa chỉ: khu phố 8, thị trấn G, huyện GR, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1955

Địa chỉ: khu phố 8, thị trấn G, huyện GR, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P

(Các đương sự và Luật sư có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Bà Lâm Thị L trình bày:** Bà có cho bà P vay nhiều lần vào các ngày 26/8/2014, ngày 23/10/2014, ngày 02/02/2015, ngày 09/02/2015, ngày 15/02/2015 và ngày 29/02/2015. Bà P viết cho bà biên nhận đề ngày 29/02/2015 thể hiện tổng số tiền vay của những lần này là 319.100.000đồng và 02 chỉ vàng 24k loại 98%, lãi suất do hai bên thỏa thuận miệng. Sau đó bà P tiếp tục vay tiền của bà ngày 24/02/2015 vay 7.000.000đồng, ngày 02/3/2015 vay 60.000.000đồng, ngày 02/4/2015 vay 68.000.000đồng, ngày 02/5/2015 vay 106.000.000đồng. Tất cả các lần vay trên đều là ngày âm lịch, bà P đều có viết biên nhận cho bà, tổng cộng bà P vay của bà là 560.100.000đồng (Năm trăm sáu m-oi triệu một trăm nghìn đồng) và 02 chỉ vàng 24k loại 98%. Về lãi suất thì hai bên thỏa thuận miệng với nhau, không ghi vào biên nhận, tiền lãi của từng khoản vay là khác nhau. Từ khi bà P vay cho đến nay chỉ đóng tiền lãi đ-ợc 8.000.000đồng (tám triệu đồng) là tiền lãi chung của tất cả các lần vay. Sau đó, bà P cũng không trả vốn và lãi suất đầy đủ cho bà. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích P phải trả cho bà tổng cộng số tiền vay gốc là 560.100.000đồng (Năm trăm sáu m-oi triệu một trăm nghìn đồng) và 02 chỉ vàng 24k loại 98%, đồng thời bà yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 02/5/2015 cho đến ngày xét xử.

*** Bà Nguyễn Thị Bích P trình bày:** Khoảng năm 2013 bà có vay tiền của bà L, chứ không phải ngày theo nh- biên nhận mà bà L cung cấp. Thời gian đầu bà L tính lãi suất 8%/tháng đối với số tiền 75.000.000đồng, 10%/tháng đối với số tiền 35.000.000đồng, 15.000.000đồng và 02 chỉ vàng 24k. Tổng cộng bà chỉ vay của bà L số tiền 125.000.000đồng (Một trăm hai m-oi lăm triệu đồng) và 02 chỉ

vàng 24k (quy đổi là 8.000.000đồng). Sau đó bà L cộng gốc và lãi tính đến 30%/tháng, các khoản nợ vay phát sinh từ số tiền 17.000.000đồng trở về sau toàn bộ là tiền lãi chứ không phải tiền gốc. Do việc tính lãi quá cao và cộng tiền gốc và tiền lãi để tính chung, bà trả đ-ợc một thời gian thì bà không có khả năng trả tiếp nên bà L ép bà viết các biên nhận và yêu cầu bà ghi với nội dung là “có hỏi cô L”. Thực tế bà không có nhận tiền từ việc ký các biên nhận, các biên nhận bà L cung cấp là số tiền lãi chứ không phải là tiền vay. Theo biên nhận ngày 29/02/2015 gồm các khoản 75.000.000đồng, 35.000.000đồng, 15.000.000đồng và 02 chỉ vàng 24k quy ra là 8.000.000đồng, tổng cộng là 133.000.000đồng thì bà L tính lãi tháng 8/2013 là 30% ra số tiền là 39.900.000đồng, bà đóng lãi đ-ợc 22.900.000đồng còn lại 17.000.000đồng được ghi trong biên nhận là tiền lãi. Biên nhận ngày 23/10/2014 số tiền 86.000.000đồng là tiền lãi phát sinh của tháng 9,10,11 bà L tính với lãi suất 30%. Còn số tiền 90.400.000đồng là tiền bà L tính lãi phát sinh của tháng 12. Bà khẳng định trong biên nhận ngày 29/02/2015 thì bà chỉ có vay 133.000.000đồng (Một trăm ba m-oi ba triệu đồng) là tiền gốc (bao gồm 02 chỉ vàng 24k quy đổi).

Còn lại các biên nhận ngày 02/3/2015 với số tiền 60.000.000đồng là tiền lãi của tháng 02/2015 bà L tính lãi 30%/tháng, biên nhận ngày 02/4/2015 số tiền 68.000.000đồng là tiền lãi của tháng 3/2015, biên nhận ngày 02/5/2015 với số tiền 106.000.000đồng là tiền lãi của tháng 04/2015, biên nhận ngày 27/02/2015 với số tiền là 7.000.000đồng cũng là tiền lãi. Khi vay bà có đóng lãi hàng tháng, đến ngày 14/6/2014 bà với bà L có tính lãi từ tháng 6/2014 trở về sau bà có đóng lãi là 118.000.000đồng (Một trăm m-oi tám triệu đồng) và bà xác định bà gửi tiền cho ông Hà Văn B (xe ôm) và bà Võ Thị N1 đóng lãi cho bà L.

Bà xác định là bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Bà thừa nhận chỉ có vay 125.000.000đồng (Một trăm hai m-oi lăm triệu đồng) và 02 chỉ vàng 24k nhưng bà không đồng ý trả cho bà L vì bà đã đóng lãi cho bà L quá nhiều.

*** Ông Huỳnh Văn N trình bày:** Ông thống nhất với lời trình bày của bà P và cho rằng bà L có đ-a cho ông 02 bảng kê lãi của tháng 5 và tháng 6/2015 và bản chiết tính tiền lãi của 7.000.000đồng, tất cả bà L đều tính lãi suất là

30%/tháng. Bà L là người viết các bảng kê này đưa cho ông. Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà L.

*** Tại bản án sơ thẩm số 18/2017/DS-ST ngày 09/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã quyết định:**

- Buộc bà Nguyễn Thị Bích P, ông Huỳnh Văn N trả cho bà Lâm Thị L số tiền gốc và lãi là 704.797.262đồng (Bảy trăm lẻ bốn triệu bảy trăm chín m-oi bảy nghìn hai trăm sáu m-oi hai đồng) và 02 chỉ vàng 24k loại 98%.

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Ngày 22/5/2017, bà P có đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa tin việc cho vay nặng lãi trên 30%/tháng. Bà P yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lâm Thị L và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà L cho rằng việc vay tiền của bà P và bà L có biên nhận rõ ràng, do chính bà P viết. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc vợ chồng bà P, ông N phải trả cho bà L số tiền gốc và lãi là 704.797.000đồng và 02 chỉ vàng 24k.

Còn vợ chồng bà P, ông N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L và cho rằng bà P có vay của bà L tổng cộng là 125.000.000đồng và 02 chỉ vàng 24k. Do bà L tính lãi suất quá cao 30%/tháng, bà P không có khả năng trả nên yêu cầu bà P viết các biên nhận nêu trên, thực chất của các biên nhận là tiền lãi chồng lãi. Bà P đã đóng lãi cho bà L quá nhiều nên vợ chồng bà P, ông N không đồng ý trả tiền cho bà L.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Luật sư và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ kiện, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm có sai sót nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, chưa thu thập và đánh giá đầy đủ chứng cứ làm ảnh hưởng quyền lợi của đương sự; giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lâm Thị L khởi kiện cho rằng bà P có vay của bà nhiều lần với số tiền gốc là 560.100.000đồng và 02 chỉ vàng 24k loại 98%, bà L yêu cầu bà P trả gốc và lãi suất theo quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà P cho rằng có vay của bà L tổng cộng là 125.000.000đồng và 02 chỉ vàng 24k. Do bà L tính lãi suất quá cao 30%/tháng, bà P đã đóng lãi cho bà L 118.000.000đồng, việc đóng lãi quá nhiều nên vợ chồng bà P, ông N không đồng ý trả tiền cho bà L (bút lục 21, 28). Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại không thông báo yêu cầu bà P thực hiện thủ tục phản tố để xem xét bù trừ nghĩa vụ đối với yêu cầu của bà L là không đảm bảo quyền lợi của đương sự, vi phạm Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà L khởi kiện cho rằng bà P có vay của bà nhiều lần với số tiền gốc là 560.100.000đồng và 02 chỉ vàng 24k loại 98%, được thể hiện qua các biên nhận do bà P tự viết, cụ thể gồm: Ngày 29/02/2015 tổng hợp những lần vay trước là 319.100.000đồng và 02 chỉ vàng 24k loại 98%, ngày 24/02/2015 vay 7.000.000đồng, ngày 02/3/2015 vay 60.000.000đồng, ngày 02/4/2015 vay 68.000.000đồng, ngày 02/5/2015 vay 106.000.000đồng; Còn bà P cho rằng bà P có vay của bà L tổng cộng là 125.000.000đồng và 02 chỉ vàng 24k, ngoài ra có vay 7.000.000đồng có biên nhận riêng, do bà L tính lãi suất quá cao 30%/tháng, bà P không có khả năng trả nên yêu cầu bà P viết các biên nhận nêu trên, thực chất của các biên nhận là tiền lãi chồng lãi. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng bà P, ông N có cung cấp 05 bảng kê tính lãi suất của bà L ghi (từ bút lục 73 đến bút lục 77), trong đó có bảng kê thể hiện lãi suất tháng 5 là 140.000.000đồng, lãi suất tháng 6 là 183.700.000đồng (bút lục 73), và có bảng kê tính lãi gần như trùng khớp với mức lãi suất 30%/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L thừa nhận chữ viết bằng số là do bà ghi, lãi của tháng 6 là có tính thêm tiền lãi vào (bút lục 36, 37, 69). Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/02/2017, bà L cũng thừa nhận lãi suất ban đầu của số tiền 75.000.000đồng là 8%/tháng, sau đó tăng lên

10%/tháng, các lần vay còn lại giữ nguyên, từ ngày 02/3/2015 đến ngày 02/5/2015 lãi suất là 30%/tháng (bút lục 112-114). Như vậy, có cơ sở để xác định giữa bà L và bà P thỏa thuận cho vay với lãi suất cao hơn nhiều lần so với quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm tuy có tiến hành đối chất nhưng không làm rõ số tiền vay từng lần của hai bên theo các biên nhận, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào các biên nhận do bà L cung cấp mà không xét xét, đánh giá đầy đủ các lời khai, chứng cứ khác có liên quan là chưa xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, vi phạm Điều 108 Bộ luật tố tụng dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[3] Bà L khai từ khi bà P vay cho đến nay chỉ trả lãi suất cho bà được 8.000.000đồng cho tất cả các khoản vay; ngược lại bà P thì cho rằng đã đóng lãi là 118.000.000đồng, tại phiên tòa phúc thẩm bà P cho rằng đóng lãi hơn 600.000.000đồng. Trong khi đó, có người làm chứng trong việc đóng lãi suất là ông Hà Văn B, bà Võ Thị N1 đã có lời khai cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm (bút lục 37, 38, 39), cụ thể ông Hà Văn B khai có đưa tiền lãi cho bà L và con bà L là Trương Thị Thúy V 9 lần khoảng 90.000.000đồng; còn bà Võ Thị N1 khai vào tháng 9/2014 âm lịch có giao tiền lãi mỗi tuần một lần, có khi đưa cho bà L, có khi đưa cho chị V, mỗi lần đưa một cọc tiền nịt dây thung chắt nhưng không biết cụ thể số tiền. Tòa án cấp sơ thẩm tuy có tiến hành đối chất nhưng lại không nhận định, đánh giá và làm rõ số tiền lãi mà bà P đã đóng cho bà L là bao nhiêu để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

[4] Đồng thời, bà L khởi kiện yêu cầu bà P phải trả lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 02/5/2015 đến ngày xét xử. Xét thấy, bà L xác định ngày mà hai bên thỏa thuận là ngày âm lịch, nhưng khi tính lãi suất Tòa án cấp sơ thẩm không chuyển từ ngày âm lịch sang dương lịch, nên việc xác định thời gian tính lãi của Tòa án cấp sơ thẩm cũng không đúng, chính xác làm ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ chồng bà P, ông N.

[5] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn vi phạm nhiều thủ tục tố tụng khác như Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng đã có thông báo số 61/TB-VKS ngày 09/3/2017 để thông báo vắng mặt tại phiên tòa do Kiểm sát viên đang trong

thời gian chờ bổ nhiệm lại nhưng các Quyết định hoãn phiên tòa lần 1 ngày 17/3/2017, lần 2 ngày 12/4/2017 đều có Đại diện Viện kiểm sát (bút lục 126, 128, 138); thứ tự hỏi tại phiên tòa sơ thẩm không thực hiện đúng theo Điều 249 của Bộ luật Tố tụng dân sự; ý kiến tranh luận là của bà P nhưng biên bản phiên tòa thể hiện ý kiến tranh luận của bà L (bút lục 152-153).

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm có những sai sót nêu trên mà tại cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử nghị án nên chấp nhận ý kiến đề xuất của kiểm sát viên, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà P, cần thiết hủy bản án sơ thẩm. Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[6] Về án phí phúc thẩm: Bà P không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả cho bà P số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1- Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 18/2017/DS-ST ngày 09/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

2- Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3- Về án phí:

- Nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

- Hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà P là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002478 ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Giồng Riềng;
- THA dân sự huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhiên